



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Quý 4 năm 2020**



**Tháng 01 năm 2021**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.003.981.844.989</b>	<b>1.045.240.378.424</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>109.765.301.070</b>	<b>30.169.465.509</b>
1 Tiền	111		965.301.070	2.059.465.509
2 Các khoản tương đương tiền	112		108.800.000.000	28.110.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.534.305.806</b>	<b>29.572.394.358</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	19.534.305.806	29.572.394.358
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>845.138.442.449</b>	<b>956.236.999.131</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.290.979.516	31.050.198.677
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.692.622.512	6.753.797.512
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	260.869.778.943	152.369.443.331
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	560.422.280.597	775.324.919.933
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(12.137.219.119)	(9.261.360.322)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.9</b>	<b>26.996.853.527</b>	<b>26.969.736.134</b>
1 Hàng tồn kho	141		26.996.853.527	26.969.736.134
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.546.942.137</b>	<b>2.291.783.292</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.517.126	27.211.857
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		910.028.388	305.214.227
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.635.396.623	1.959.357.208
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.341.291.650.908</b>	<b>3.128.213.475.682</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39.500.000.000</b>	<b>326.374.958.704</b>
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	39.500.000.000	231.425.250.000
2 Phải thu dài hạn khác	216	5.6	-	94.949.708.704
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.043.334.013</b>	<b>1.412.084.705</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.043.334.013	1.412.084.705
<i>Nguyên giá</i>	222		3.112.044.571	3.112.044.571
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.068.710.558)	(1.699.959.866)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		50.000.000	50.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.296.725.637.752</b>	<b>2.800.426.432.273</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251	5.7	2.484.118.823.206	2.016.398.823.206
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.7	809.096.814.546	780.517.609.067
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	3.510.000.000	3.510.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.022.679.143</b>	<b>-</b>
4 Chi phí trả trước dài hạn	261		4.022.679.143	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.345.273.495.897</b>	<b>4.173.453.854.106</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.713.167.715.470</b>	<b>1.541.672.277.644</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>872.413.281.159</b>	<b>779.512.570.756</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	174.869.102.020	182.124.859.998
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	464.212.009.928	465.416.342.055
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	213.897.037	193.059.408
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.059.407.011	4.783.741.678
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	152.668.593.283	80.134.149.559
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	77.669.000.000	45.113.000.000
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.271.880	1.747.418.058
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>840.754.434.311</b>	<b>762.159.706.888</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	5.16	103.764.191.160	81.514.387.963
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	736.990.243.151	680.645.318.925
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.632.105.780.427</b>	<b>2.631.781.576.462</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>2.632.105.780.427</b>	<b>2.631.781.576.462</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.928.547.650.000</i>	<i>1.928.547.650.000</i>
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		81.310.130.378	69.610.184.378
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		618.590.251.953	629.965.993.988
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>397.461.275.988</i>	<i>366.192.617.814</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>221.128.975.965</i>	<i>263.773.376.174</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.345.273.495.897</b>	<b>4.173.453.854.106</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021

  
 Dương Thị Nhung  
 Người lập biểu

  
 Lương Thị Thu Yến  
 Q.Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Chính  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	5.255.679.035	344.686.364	11.210.331.164
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	72.676.636	-	454.565.992
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	5.19	-	5.183.002.399	344.686.364	10.755.765.172
4 Giá vốn hàng bán	11	5.20	38.339.496	4.035.520.204	593.897.741	9.533.830.051
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		(38.339.496)	1.147.482.195	(249.211.377)	1.221.935.121
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	150.190.535.606	102.330.151.967	304.655.707.574	373.500.577.284
7 Chi phí tài chính	22	5.22	19.385.315.813	12.500.858.324	58.088.527.095	81.209.832.537
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.385.315.813	12.500.858.324	58.088.527.095	80.537.477.537
8 Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	6.741.162.358	6.368.926.927	11.793.988.629	13.334.601.261
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		124.025.717.939	84.607.848.911	234.523.980.473	280.178.078.607
11 Thu nhập khác	31	5.24	300.000.000	300.000.000	1.838.668.838	1.200.000.000
12 Chi phí khác	32	5.25	177.024.061	194.625.922	2.363.732.346	2.252.813.433
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		122.975.939	105.374.078	(525.063.508)	(1.052.813.433)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 =30+40)	50		124.148.693.878	84.713.222.989	233.998.916.965	279.125.265.174
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-	-	-
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		124.148.693.878	84.713.222.989	233.998.916.965	279.125.265.174

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021

  
Dương Thị Nhung  
Người lập biểu

  
Lương Thị Thu Yến  
Q.Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	233.998.916.965	279.125.265.174
2 Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	368.750.692	383.105.865
Các khoản dự phòng	03	2.850.828.670	7.048.790.333
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(304.655.707.574)	(372.828.222.284)
Chi phí lãi vay	06	58.088.527.095	80.537.477.537
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.348.684.152)	(5.733.583.375)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.601.970.484	(4.175.037.075)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(27.117.393)	1.015.346.280
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.290.817.776)	3.850.783.355
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.996.984.412)	30.251.277
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.856.049.541)	(126.583.833.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.196.141.178)	(933.107.678)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(61.113.823.968)</b>	<b>(132.529.180.936)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(149.461.911.448)	(163.230.839.056)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	231.924.914.388	96.774.227.094
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(503.179.205.479)	(77.120.330.137)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.000.000.000	462.850.380.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	692.950.655.842	249.274.480.448
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>283.234.453.303</b>	<b>568.547.918.349</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1 Tiền thu từ đi vay	33	808.141.300.319	5.000.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(719.240.376.093)	(493.938.380.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(231.425.718.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(142.524.793.774)</b>	<b>(488.938.380.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>79.595.835.561</b>	<b>(52.919.642.587)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.169.465.509	83.089.108.096
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	109.765.301.070	30.169.465.509

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yến**  
Q.Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc (thay đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 21 ngày 07 tháng 12 năm 2020 và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08 tháng 12 năm 2020).

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CIH”), Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,78%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

### **1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****1.4 Cấu trúc Công ty**

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2/ Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	TP.HCM	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3/ Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư vào công ty dự án cầu đường
4/ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án xây dựng Cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
5/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm
6/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7/ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.HCM	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
8/ Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư nâng mở rộng đường DT 741.
<i>(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)</i>				
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.HCM	50%	50%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01/2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

###### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

###### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

###### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

###### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

###### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

##### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

###### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

###### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng.***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	965.301.070	2.059.465.509
Các khoản tương đương tiền (i)	108.800.000.000	28.110.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.765.301.070</b>	<b>30.169.465.509</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc từ 03 tháng trở xuống.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	19.534.305.806	19.534.305.806	29.572.394.358	29.572.394.358
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000	3.510.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.044.305.806</b>	<b>23.044.305.806</b>	<b>33.082.394.358</b>	<b>33.082.394.358</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.187.721.580</b>	<b>28.946.940.741</b>
Phải thu các bên liên quan (i)	3.780.751.531	3.281.596.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	1.321.079.368
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.094.608.209	10.352.982.370
<b>Phải thu về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp</b>	<b>2.103.257.936</b>	<b>2.103.257.936</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	2.103.257.936	2.103.257.936
<b>Cộng</b>	<b>29.290.979.516</b>	<b>31.050.198.677</b>

(i) Chi tiết phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	1.320.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CII	379.155.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.780.751.531</b>	<b>3.281.596.531</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	5.820.497.512	5.820.497.512
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Các đối tượng khác	22.125.000	83.300.000
<b>Cộng</b>	<b>6.692.622.512</b>	<b>6.753.797.512</b>

(i) Khoản trả trước cho công ty Khánh An liên quan đến việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu.

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>260.869.778.943</b>	<b>150.089.443.331</b>
Công ty CII (i)	23.501.528.943	105.646.443.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	-	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (iv)	5.943.000.000	4.943.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	2.280.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>39.500.000.000</b>	<b>231.425.250.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	-	231.425.250.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	39.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>300.369.778.943</b>	<b>381.514.693.331</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CII (i)	23.501.528.943	105.646.443.331
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (iv)	5.943.000.000	4.943.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	2.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>68.944.528.943</b>	<b>152.369.443.331</b>

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 với lãi suất được hưởng trong năm là 11%/năm.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Lãi suất 8,5%/năm áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 lãi suất được áp dụng là 11%/năm theo Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 11 tháng 12 năm 2020. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.

Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuấn Lộc sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư không bị tổn thất giá trị.



**5.5 Phải thu về cho vay (tiếp theo)**

Bên cạnh đó, theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng khoản đầu tư trên có hiệu quả và chắc chắn sẽ bảo toàn vốn đầu tư. Dựa trên những đánh giá này, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ mua lại theo thỏa thuận đã ký kết.

- (iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo Phụ lục hợp đồng ngày 05 tháng 12 năm 2020. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 05 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng trong năm là 9,8%/năm.
- (iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục gia hạn thời gian hợp đồng số 02 ngày 09 tháng 7 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay là 10 tỷ VND, thời hạn cho vay là 1 năm, khoản cho vay này sẽ đến hạn vào ngày 17 tháng 7 năm 2021. Lãi suất cho vay trong năm là 9,5%/năm.

**5.6 Phải thu khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>415.323.083.368</b>	<b>773.686.894.885</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	92.993.770.603	375.178.025.858
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.875.266.352	182.696.744.422
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	143.763.543.894	137.121.622.086
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	78.690.502.519
<b>Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm</b>	<b>137.444.825.917</b>	<b>826.253.964</b>
Phải thu lãi cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	134.279.936.801	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	544.175.307	77.158.736
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	284.819.804
Lãi tiền gửi tiết kiệm	312.931.042	464.275.424
Lãi trả chậm phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	2.307.782.767	-
<b>Các khoản chi hộ</b>	<b>27.149.471</b>	<b>27.149.471</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>7.627.221.841</b>	<b>647.221.841</b>
Phải thu khoản hỗ trợ Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	6.880.000.000	-
Phải thu khoản nộp 1% đảm bảo công trình	455.871.841	455.871.841
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	200.000.000	100.000.000
Tạm ứng	77.350.000	77.350.000
Ký quỹ Viễn thông, taxi, thuê máy photo	14.000.000	14.000.000
<b>Cộng</b>	<b>560.422.280.597</b>	<b>775.187.520.161</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu lãi cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	94.949.708.704
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>94.949.708.704</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.6 Phải thu khác (tiếp theo)**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	92.993.770.603	375.178.025.858
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận,	99.875.266.352	182.696.744.422
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	143.763.543.894	137.121.622.086
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	85.570.502.519	78.690.502.519
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	284.819.804
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	544.175.307	77.158.736
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	200.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>422.947.258.675</b>	<b>774.148.873.425</b>

**5.7 Đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	54.060.000	540.600.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	-	607.325.833.333	-	542.505.833.333
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	28.700.000	335.996.028.454
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	-	242.278.623.284	-	242.278.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	21.998.000	219.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	106.590.000.000	-	106.590.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	2.498.835	28.448.338.135
<b>Cộng</b>		<b>2.484.118.823.206</b>		<b>2.016.398.823.206</b>

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ	Số cổ phần	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	809.096.814.546	77.141.770	780.517.609.067
<b>Cộng</b>		<b>809.096.814.546</b>		<b>780.517.609.067</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020		01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu khách hàng từ thi công công trình	9.252.255.563	3.008.137.872	6.244.117.691	4.263.934.690	4.218.258.894
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hoà-Vũng Tàu	1.321.079.368	-	1.321.079.368	1.321.079.368	1.321.079.368
Công ty Cường Thuận IDICO	891.822.100	-	891.822.100	891.822.100	891.822.100
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	796.272.960	-	796.272.960	796.272.960	796.272.960
Chi nhánh Công Cổ phần Đầu tư Long Biên	723.234.000	-	723.234.000	723.234.000	723.234.000
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	669.898.000	-	669.898.000	669.898.000	669.898.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 14	620.995.000	-	620.995.000	620.995.000	620.995.000
Trả trước người bán ngắn hạn	869.800.000	-	869.800.000	19.800.000	19.800.000
<b>Cộng</b>	<b>15.145.356.991</b>	<b>3.008.137.872</b>	<b>12.137.219.119</b>	<b>9.307.036.118</b>	<b>9.261.360.322</b>

**5.9 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công lắp đặt, duy tu dở dang	1.678.007.601	-	1.650.890.208	-
Hàng hóa	111.300.000	-	111.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>26.996.853.527</b>	-	<b>26.969.736.134</b>	-

**Trong đó, chi phí đầu tư dự án B.O.T các bên liên quan**

Công ty CII	25.207.545.926	25.207.545.926
-------------	----------------	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
Tại ngày 31/12/2020	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	599.183.666	1.100.776.200	1.699.959.866
Khấu hao trong năm	76.441.456	292.309.236	368.750.692
Tại ngày 31/12/2020	675.625.122	1.393.085.436	2.068.710.558
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	255.575.990	1.156.508.715	1.412.084.705
Tại ngày 31/12/2020	179.134.534	864.199.479	1.043.334.013

**5.11 Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000
Khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2020	-
Tại ngày 31/12/2020	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng	50.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CII (i)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	9.427.804.089	9.427.804.089	10.381.323.089	10.381.323.089
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Chiếu Sáng	1.270.429.658	1.270.429.658	1.270.429.658	1.270.429.658
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.474.911.070	1.474.911.070	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	351.627.200	351.627.200	351.627.200	351.627.200
Công ty TNHH Tân Thành Tâm	180.272.259	180.272.259	180.272.259	180.272.259
Công ty TNHH Đại dương Xanh	163.327.842	163.327.842	163.327.842	163.327.842
Phải trả các đối tượng khác	227.428.100	227.428.100	414.578.148	414.578.148
<b>Cộng</b>	<b>174.869.102.020</b>	<b>174.869.102.020</b>	<b>182.124.859.998</b>	<b>182.124.859.998</b>

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty CII (i)	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.474.911.070	-
<b>Cộng</b>	<b>160.248.212.872</b>	<b>158.773.301.802</b>

(i) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	881.478.150	860.780.150
Ban quản lý đầu tư XD công trình nâng cấp đô thị	365.219.173	365.219.173
Các đối tượng khác	114.932.605	1.339.962.732
<b>Cộng</b>	<b>464.212.009.928</b>	<b>465.416.342.055</b>

*Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
-----------------	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận hứa mua, hứa bán cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà Nước**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	193.059.408	832.773.796	811.936.167	213.897.037
Thuế nhà đất, thuế đất	-	80.657.771	80.657.771	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>193.059.408</b>	<b>917.431.567</b>	<b>896.593.938</b>	<b>213.897.037</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế đất tại 345-347 An Dương Vương	344.658.585	344.658.585	-	-
Thuế giá trị gia tăng vãng lai nội tỉnh	437.267.068	-	20.698.000	457.965.068
<b>Cộng</b>	<b>1.959.357.208</b>	<b>344.658.585</b>	<b>20.698.000</b>	<b>1.635.396.623</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	876.907.011	4.443.741.678
Chi phí phải trả khác	182.500.000	340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.059.407.011</b>	<b>4.783.741.678</b>

**5.16 Phải trả khác**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ứng trước lợi nhuận từ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	126.281.500.895	54.681.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả lãi vay cho Công ty CII	1.087.052.055	-
Phải trả khác	311.690.333	464.298.664
<b>b. Dài hạn</b>	<b>103.764.191.160</b>	<b>81.514.387.963</b>
Phải trả lãi vay cho Công ty CII	97.064.191.160	76.014.387.963
Các khoản thu hộ	6.700.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>256.432.784.443</b>	<b>161.648.537.522</b>
<i>Trong đó, phải trả là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	98.151.243.215	76.014.387.963
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	126.281.500.895	54.681.500.895
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>249.421.094.110</b>	<b>155.684.238.858</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngắn hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-
Công ty CII	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	49.669.000.000	49.669.000.000			45.113.000.000	45.113.000.000
<b>Cộng</b>	<b>77.669.000.000</b>	<b>77.669.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>45.113.000.000</b>	<b>45.113.000.000</b>
Vay dài hạn	786.659.243.151	786.659.243.151	780.141.300.319	719.240.376.093	725.758.318.925	725.758.318.925
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	508.049.300.319	508.049.300.319	508.641.300.319	592.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	-	-	-	340.049.568.925	340.049.568.925	340.049.568.925
Công ty CII	278.609.942.832	278.609.942.832	271.500.000.000	378.598.807.168	385.708.750.000	385.708.750.000
Trừ số phải trả trong 12 tháng tới	(49.669.000.000)	(49.669.000.000)			(45.113.000.000)	(45.113.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>736.990.243.151</b>	<b>736.990.243.151</b>	<b>780.141.300.319</b>	<b>719.240.376.093</b>	<b>680.645.318.925</b>	<b>680.645.318.925</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>814.659.243.151</b>	<b>814.659.243.151</b>	<b>808.141.300.319</b>	<b>719.240.376.093</b>	<b>725.758.318.925</b>	<b>725.758.318.925</b>
<b>Trong đó thanh toán theo kỳ hạn</b>		<b>31/12/2020</b>		<b>01/01/2020</b>		
Trong đó thanh toán theo kỳ hạn		49.669.000.000		45.113.000.000		
Trong vòng một (01) năm		52.870.000.000		101.669.000.000		
Trong năm thứ hai (02)		373.411.493.151		578.976.318.925		
Từ năm thứ ba (03) đến năm thứ năm (05)		310.708.750.000		-		
<b>Cộng</b>		<b>786.659.243.151</b>		<b>725.758.318.925</b>		
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng		(49.669.000.000)		(45.113.000.000)		
Số phải trả sau 12 tháng		<b>736.990.243.151</b>		<b>680.645.318.925</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CHII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	28.000.000.000	12 tháng	13/04/2021	Lãi suất trong năm là 10,5%	Góp vốn vào công ty dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Cộng</b>	<b>28.000.000.000</b>					

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	328.090.300.319	8 năm	29/07/2028	Lãi suất trong năm là 10,5%	Vay trả nợ cho Công ty CII	Quyền thu phí dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, phần vốn góp Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miếu và Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
<b>Cộng</b>	<b>508.049.300.319</b>					
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
<b>Cộng</b>	<b>221.583.493.151</b>	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo.
<b>Cộng</b>	<b>278.609.942.832</b>					
<b>Cộng</b>	<b>786.659.243.151</b>					



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>55.653.921.378</b>	<b>366.192.617.814</b>	<b>2.354.051.937.288</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	279.125.265.174	279.125.265.174
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.956.263.000	(13.956.263.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.395.626.000)	(1.395.626.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>69.610.184.378</b>	<b>629.965.993.988</b>	<b>2.631.781.576.462</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	233.998.916.965	233.998.916.965
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.699.946.000	(11.699.946.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.079.000.000)	(1.079.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>618.590.251.953</b>	<b>2.632.105.780.427</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND/cổ phiếu		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Công ty CII	54,78%	1.056.495.420.000	1.050.324.520.000
Metro Pacific Tollways Corporation	44,94%	866.666.660.000	866.666.660.000
Các đối tượng khác	0,28%	5.385.570.000	11.556.470.000
<b>Cộng</b>		<b>1.928.547.650.000</b>	<b>1.928.547.650.000</b>

**d. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 15 tháng 6 năm 2020 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 12% và Hội đồng Quản trị (được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) đã chi trả cổ tức vào ngày 28 tháng 10 năm 2020 với số tiền là 231.425.718.000 VND.

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	81.310.130.378	69.610.184.378
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.721.271.880	1.747.418.058
<b>Cộng</b>	<b>83.031.402.258</b>	<b>71.357.602.436</b>

Và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 15 tháng 6 năm 2020 đã thống nhất thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, theo đó trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5% và trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 0,5% từ lợi nhuận sau thuế.

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	9.761.170.205
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.686.364	1.449.160.959
<b>Cộng</b>	<b>344.686.364</b>	<b>11.210.331.164</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	-	454.565.992
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>344.686.364</b>	<b>10.755.765.172</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty CII	344.686.364	246.197.914
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	-	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>344.686.364</b>	<b>246.197.914</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	9.306.126.409
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	593.897.741	227.703.642
<b>Cộng</b>	<b>593.897.741</b>	<b>9.533.830.051</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Lợi nhuận được chia	246.136.188.483	312.739.453.760
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.519.519.091	36.326.480.550
Lãi phát sinh từ hợp tác đầu tư	-	24.434.642.974
<b>Cộng</b>	<b>304.655.707.574</b>	<b>373.500.577.284</b>
<i>Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	8.534.049.430	6.347.988.258
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	120.734.237.896	170.144.952.449
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	85.741.921.808	76.829.489.286
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	43.614.038.595	70.607.164.800
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	203.081.333	214.267.114
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	544.175.307	93.599.014
<b>Cộng</b>	<b>259.371.504.369</b>	<b>324.237.460.921</b>

**5.22 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí lãi vay	58.088.527.095	80.537.477.537
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	672.355.000
<b>Cộng</b>	<b>58.088.527.095</b>	<b>81.209.832.537</b>
<i>Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	16.799.312.221	41.031.434.520
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	20.958.904
<b>Cộng</b>	<b>16.799.312.221</b>	<b>41.031.434.520</b>

**5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí lương nhân viên	4.214.467.983	4.418.009.262
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	217.454.608	272.689.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.594.452	45.586.425
Chi phí thuê văn phòng	308.250.000	484.500.000
Chi phí tiếp khách	294.066.544	242.141.464
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.850.828.670	7.048.790.333
Phân bổ phí quản lý tài khoản	1.063.733.860	-
Chi phí nghiên cứu dự án	2.068.391.000	-
Các khoản chi phí khác	736.201.512	822.884.405
<b>Cộng</b>	<b>11.793.988.629</b>	<b>13.334.601.261</b>
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	444.536.800	635.674.709
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.068.391.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.512.927.800</b>	<b>635.674.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.24 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Thu nhập từ cho thuê xe	1.200.000.000	1.200.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ	638.668.838	-
<b>Cộng</b>	<b>1.838.668.838</b>	<b>1.200.000.000</b>
<i>Trong đó, thu nhập khác phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	600.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

**5.25 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí cho thuê tài sản	717.459.463	779.393.207
Phí trả nợ vay trước hạn	1.646.272.883	-
Các khoản chi phí khác	-	1.473.420.226
<b>Cộng</b>	<b>2.363.732.346</b>	<b>2.252.813.433</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>233.998.916.965</b>	<b>279.125.265.174</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	10.463.520.361
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(246.136.188.483)	(312.739.453.760)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(12.137.271.518)</b>	<b>(23.150.668.225)</b>
Kết chuyển lỗ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(12.137.271.518)</b>	<b>(23.150.668.225)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nhân công	3.761.871.304	3.959.829.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	368.750.692	383.105.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.717.197.729	9.044.900.720
Chi phí khác bằng tiền.	793.111.133	888.532.938
<b>Cộng</b>	<b>7.640.930.858</b>	<b>14.276.368.732</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	508.641.300.319	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	299.500.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>808.141.300.319</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	340.641.568.925	26.088.000.000
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	378.598.807.168	467.850.380.000
<b>Cộng</b>	<b>719.240.376.093</b>	<b>493.938.380.000</b>

**6.2 Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh về đầu tư: hoạt động tài chính về hỗ trợ vốn, hợp tác đầu tư.
- Hoạt động kinh doanh khác: Cung cấp dịch vụ ...

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

STT CHỈ TIÊU	Hoạt động		Cộng VND
	Hoạt động đầu tư VND	kinh doanh khác VND	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	344.686.364	344.686.364
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Doanh thu thuần về bán hàng và	-	-	-
3 cung cấp dịch vụ	-	344.686.364	344.686.364
4 Giá vốn hàng bán	-	593.897.741	593.897.741
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	(249.211.377)	(249.211.377)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	304.655.707.574	-	304.655.707.574
Lợi nhuận được chia	246.136.188.483	-	246.136.188.483
Lãi cho vay	54.873.326.750	-	54.873.326.750
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.646.192.341	-	3.646.192.341
7 Chi phí tài chính	58.088.527.095	-	58.088.527.095
Chi phí lãi vay	58.088.527.095	-	58.088.527.095
8 Chi phí bán hàng	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh bộ phận (tiếp theo)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)*

STT CHỈ TIÊU	Hoạt động		Cộng VND
	Hoạt động đầu tư VND	kinh doanh khác VND	
<b>9 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.943.159.959</b>	<b>2.850.828.670</b>	<b>11.793.988.629</b>
Chi phí lương nhân viên	4.214.467.983	-	4.214.467.983
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	217.454.608	-	217.454.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.594.452	-	40.594.452
Chi phí thuê văn phòng	308.250.000	-	308.250.000
Chi phí tiếp khách	294.066.544	-	294.066.544
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	-	2.850.828.670	2.850.828.670
Phân bổ phí quản lý tài khoản	1.063.733.860	-	1.063.733.860
Chi phí nghiên cứu dự án	2.068.391.000	-	2.068.391.000
Các khoản chi phí khác	736.201.512	-	736.201.512
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>237.624.020.520</b>	<b>(3.100.040.047)</b>	<b>234.523.980.473</b>
<b>11 Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>1.838.668.838</b>	<b>1.838.668.838</b>
Thu nhập từ cho thuê xe	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ	-	638.668.838	638.668.838
<b>12 Chi phí khác</b>	<b>1.646.272.883</b>	<b>717.459.463</b>	<b>2.363.732.346</b>
Chi phí cho thuê xe	-	717.459.463	717.459.463
Phí trả nợ vay trước hạn	1.646.272.883	-	1.646.272.883
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.646.272.883)</b>	<b>1.121.209.375</b>	<b>(525.063.508)</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>235.977.747.637</b>	<b>(1.978.830.672)</b>	<b>233.998.916.965</b>
<b>15 Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế</b>	<b>246.136.188.483</b>	<b>-</b>	<b>246.136.188.483</b>
Lợi nhuận được chia	246.136.188.483	-	246.136.188.483
<b>16 Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>(10.158.440.846)</b>	<b>(1.978.830.672)</b>	<b>(12.137.271.518)</b>
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>235.977.747.637</b>	<b>(1.978.830.672)</b>	<b>233.998.916.965</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.3 Thông tin và nghiệp vụ về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CII	Công ty mẹ Công ty
Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
<b>Công ty CII</b>		
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	299.500.000.000	-
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	378.598.807.168	462.850.380.000
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	83.493.151	92.291.152.782
Nhận trước tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	-	462.850.380.000
Cho vay hỗ trợ vốn	120.500.000.000	145.400.000.000
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	202.644.914.388	86.274.227.094
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	13.955.085.612	925.772.906
Thu tiền cho thuê mặt bằng	-	324.990.000
Phải trả khoản đầu tư Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	-	160.937.503.177
Thanh toán khoản đầu tư Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	-	2.164.201.375
Lợi nhuận được chia trong năm	126.751.922.400	-
Thanh toán lợi nhuận đã chia	126.751.922.400	-
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Cho vay hỗ trợ vốn	1.000.000.000	4.943.000.000
Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ	800.319.030	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	77.158.736	16.440.278
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	488.990.480	1.114.697.430
Chi phí thuê văn phòng	444.536.800	635.674.709

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.3 Thông tin và nghiệp vụ về các bên liên quan (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	402.900.000.000	-
Góp vốn trong năm	402.900.000.000	-
Cho vay hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	18.493.151	-
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	71.600.000.000	38.651.573.259
Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	-	395.200.248
Thu tiền phụ cấp HDTV	1.100.000.000	1.200.000.000
Phải thu tiền phụ cấp thành viên	1.200.000.000	1.200.000.000
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	-	20.958.904
<b>Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình</b>		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	79.100.000.000	42.855.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	122.500.000.000	65.000.000.000
Thu tiền cho thuê xe	660.000.000	660.000.000
Thanh toán lãi vay	3.935.516.665	4.864.097.219
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	10.500.000.000
<b>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận</b>		
Góp vốn	64.820.000.000	76.470.000.000
Phải thu khoản hỗ trợ trả lãi vay	6.880.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG</b>		
Thu tiền bán hàng	660.000.000	660.000.000
Khoản thu giám sát hậu kiểm	120.000.000	1.200.000.000
<b>Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên</b>		
Cho vay hỗ trợ vốn	-	907.000.000
Thu lại tiền cho vay hỗ trợ vốn	2.280.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay hỗ trợ vốn	487.901.137	-



**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**6.4 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị  
và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>
Lương và thưởng	<u>3.480.087.226</u>	<u>3.132.767.017</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yến**  
Q.Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc

